

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HSST

Ngày: 30-5-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lâm; ông Điều Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2025/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐ-XX ngày 14 tháng 5 năm 2025 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 06/2025/TB-TA ngày 29 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lý Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1997; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Thôn 7, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nơi ở: Thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1968 và bà Lý Thị Ngọc C, sinh năm 1976; bị cáo chung sống như vợ chồng với bà Điều Thị D, sinh năm 1999 và có 01 con chung sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 02 năm 2025 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Thị Ba Đ, sinh năm 1973; ông Điều Ba E, sinh năm: 1971; cư trú: Thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Ông Điều Ba E ủy quyền cho bà Thị Ba Đ tham gia tố tụng (*có mặt*).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại bà Thị Ba Đ: Ông Nguyễn Sỹ F, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

- *Người phiên dịch cho bà Thị Ba Đ: Ông Điều G – Chuyên viên Phòng Nông nghiệp – Môi trường (có mặt)*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Điều Thị D, sinh năm 1999; cư trú: Thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1977; cư trú: Thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

Người làm chứng:

Ông Võ Thành I, sinh năm 1996; cư trú: Thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

Bà Phạm Thị Phương K, sinh năm 1991; cư trú: Thôn ĐL, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Nguyễn Ngọc A và bà Điều Thị D chung sống với nhau như vợ chồng ở nhà của bố mẹ bà D là bà Thị Ba Đ và ông Ba E tại thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Gia đình bà Đ có một đàn bò 07 con được nuôi nhốt tại vườn điều thuộc thôn 3, xã ĐỒ (*cách nhà ở khoảng 3km*), do biết buổi tối đàn bò ở vườn điều không có người trông coi, nên A nảy sinh ý định trộm cắp 2 con bò lớn của gia đình bà Đ để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Khoảng 21 giờ ngày 08 tháng 02 năm 2025, A đến nhà ông Phạm Văn H ở thôn 3, xã ĐỒ (*là người mua bò tại địa phương*) để thỏa thuận việc bán bò thì ông H đồng ý mua và hẹn 15 phút sau sẽ vào chở bò. Sau đó, A điều khiển xe mô tô của ông E (*bố vợ H*) đi vào vườn điều nơi cột bò trước, tại đây mỗi con bò được cột ở mỗi gốc cây điều khác nhau, A tháo dây và dắt 2 con bò (*01 con bò đực màu nâu đỏ, 01 con bò cái màu nâu nhạt*) ra ngoài đường nhựa lớn. Lúc này, ông H chạy xe ô tô tải đến nơi đã hẹn với A rồi cùng nhau dắt 2 con bò lên xe tải và chở về lại nhà ông H. Sau đó, ông H thỏa thuận mua 02 con bò với giá 17.000.000 đồng thì A đồng ý bán, Ông H nói A viết giấy bán bò rồi đưa cho A 10.000.000 đồng và hẹn hôm sau vợ của A là bà D đến lấy phần còn lại là 7.000.000 đồng. Sau khi có tiền, A đi chuộc điện thoại đã cầm trước đó tại tiệm điện thoại của bà Phạm Thị Phương K ở thôn ĐL, xã ĐỒ hết 1.880.000 đồng, mua 01 điện thoại cho bà D hết 1.900.000 đồng và đưa thêm cho bà D 900.000 đồng. Do sợ bà D biết việc mình trộm cắp bò nên sáng hôm sau A không đưa bà D đến nhà ông H để lấy số tiền 7.000.000 đồng còn lại mà dẫn bà D đến tiệm điện thoại của bà K và mua thêm 01 sim điện thoại hết số tiền 120.000 đồng. Sau đó cùng ngày, A bắt xe đi xuống tỉnh Đồng Nai thuê nhà nghỉ, ăn uống và tiêu xài hết số tiền còn lại. Sau khi phát hiện bị mất bò thì gia đình bà Đ tổ chức đi tìm kiếm nhưng không thấy nên ngày 12 tháng 02 năm 2025 bà Đ làm đơn

trình báo Công an xã ĐỒ. Đến sáng ngày 13 tháng 02 năm 2025, A đến Công an xã ĐỒ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Biên bản cân trọng lượng ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Công an xã Đăk Ô thể hiện con bò cái có trọng lượng 180kg, con bò đực có trọng lượng 160kg.

Theo kết luận định giá tài sản số 05 ngày 19 tháng 2 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Gia Mập kết luận:

01 con bò cái màu nâu nhạt, giống bò cỏ có trọng lượng 180kg tại thời điểm định giá ngày 08 tháng 2 năm 2025 có giá là 11.700.000 đồng.

01 con bò đực màu nâu đỏ, giống bò cỏ có trọng lượng 160kg tại thời điểm định giá ngày 08 tháng 2 năm 2025 có giá là 10.400.000 đồng.

Tổng giá trị của của 02 con bò là: 22.100.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với hai con bò (*01 con bò cái nặng 180 kg và 01 con bò đực nặng 160kg*) ngày 13 tháng 02 năm 2025, Cơ quan cảnh sát điều tra đã lập Biên bản tạm giao cho gia đình bà Đ chăm sóc để chờ xử lý; thu giữ 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh ngọc mà A đã mua cho bà D bằng tiền bán bò.

Đối với ông H là người mua bò của A, khi mua bò ông không biết A trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với số tiền 900.000 đồng mà A đưa cho bà D là tiền do bán bò mà có, đồng thời bà không biết nên đã tiêu xài hết nên không xử lý đối với D.

Đối với bà K, khi A trả tiền chuộc điện thoại và mua điện thoại mới thì bà không biết đó là tiền do A phạm tội mà có nên không đề cập xử lý đối với K.

Về trách nhiệm dân sự: Ông H yêu cầu A phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng mà ông đã đưa trước để mua bò.

Tại bản Cáo trạng số: 31/CTr-VKSBGM ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố bị cáo A về tội “*trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; 50 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo A từ 15 - 18 tháng tù.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Sỹ F trình bày lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại và thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc truy tố bị cáo A với tội danh “*trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 15 – 18 tháng tù.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập; Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ nội dung phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng số 31/CTr-VKSBGM ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố bị cáo.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thấy phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: bị cáo A sống chung như vợ chồng với bà D tại nhà bà Đ (*mẹ của bà D*) ở thôn 3, xã ĐO, huyện Bù Gia Mập nên biết được gia đình bà Đ có một đàn bò 07 con được nuôi nhốt tại vườn điều thuộc thôn 3, xã ĐO buổi tối không có người trông coi nên ngày 08 tháng 2 năm 2025, A lén lút dắt trộm 02 con bò lớn của gia đình bà Đ để bán cho ông H và lấy trước số tiền là 10.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị của 02 con bò theo định giá là 22.100.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo A đã phạm tội “*trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng vì động cơ tư lợi nhằm mục đích để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân, nên khi phát hiện sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại mà bị cáo đã lén lút trộm 02 con bò của gia đình bà Đ và bán cho ông H để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Xét tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo về tội “*trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an để đầu thú nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với hai con bò (*01 con bò cái nặng 180 kg và 01 con bò đực nặng 160kg*) ngày 13 tháng 02 năm 2025, Cơ quan cảnh sát điều tra đã lập Biên bản tạm giao cho gia đình bà Đ chăm sóc để chờ xử lý, gia đình bà có yêu cầu được nhận lại tài sản của mình nên cần trả lại cho gia đình bà Đ.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh ngọc mà bị cáo A đã mua cho bà D bằng tiền bán bò, xác định đây là tài sản do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông H yêu cầu bị cáo A phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra trước để mua bò và được bị cáo đồng ý, xét thấy đây là sự thỏa thuận của các đương sự trên tinh thần tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý khác:

Đối với ông H là người mua bò của bị cáo A và ông không biết tài sản này do bị cáo phạm tội mà có, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xử lý.

Đối với bà D là người nhận số tiền 900.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh ngọc do bị cáo mua cho, bà không biết tài sản này do bị cáo phạm tội mà có và bà đã tiêu xài hết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xử lý.

Đối với bà K, khi bị cáo A trả tiền chuộc điện thoại và mua điện thoại mới thì bà không biết đó là tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xử lý.

[9] Đối với lời phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Đối với lời phát biểu và đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị hại tại phiên tòa thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh :

Tuyên bố bị cáo Lý Nguyễn Ngọc A, phạm tội “*trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt :

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; 38 của Bộ Luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lý Nguyễn Ngọc A 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời gian hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tuyên án và được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 02 năm 2025.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 589 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Tuyên buộc bị cáo Lý Nguyễn Ngọc A phải có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Văn H số tiền là 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên trả lại hai con bò (01 con bò cái nặng 180 kg và 01 con bò đực nặng 160kg) mà Cơ quan cảnh sát điều tra đã lập Biên bản tạm giao cho gia đình bà Thị Ba Đ chăm sóc.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh ngọc.

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0008954; Quyển số 0180, ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập).

5. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc bị cáo Lý Nguyễn Ngọc A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (1);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Phước (2)
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập(1);
- Phân trại tạm giam huyện Bù Gia Mập - Công an tỉnh Bình Phước (1);
- Người tham gia tố tụng (9);
- Lưu hồ sơ; Văn thư (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VĂN PHÚ VINH

